

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-PT

Ngày: 14- 3 - 2019

V/v tranh chấp về bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng do tài sản bị
xâm phạm và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các thẩm phán:

Ông Võ Minh Tiến

Bà Lê Thị Mỹ Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Bình - Kiểm sát viên .

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm và đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh H - sinh năm 1964

2. Ông Đào T - sinh năm 1976.

Đều cư trú tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Nguyễn B - sinh năm 1974 và bà Lê Thị K - sinh năm 1976; cư trú tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn B: Ông Thiệu Quang Vinh – Luật sư của Văn phòng Luật sư Quang Vinh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Lô số 03 đường 30/4 thuộc tổ 11, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1950; cư trú tại số nhà 108 đường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đăng Phan – Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Đăng Phan thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Tổ dân phố Phú Vinh Trung, thị trấn Chợ Chùa, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn B và bà Lê Thị K là bị đơn trong vụ án.

(Ông H, ông T, ông B, bà K, Luật sư Vinh, Luật sư Phan có mặt tại phiên tòa. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H và ông Đào T cùng trình bày:*

Năm 2015, các ông nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Thu H một diện tích đất ở núi Cà tuôn, suối Trá, thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản trên đất là cây ăn trái như: Bưởi, chôm chôm, sầu riêng, chanh, mít, ổi với giá 215.000.000đồng, trong đó giá trị đất là 20.000.000đồng, cây ăn trái là 95.000.000đồng và cây keo là 100.000.000đồng. Tháng 01/2016, các ông tiến hành phá cây ăn quả để trồng lại cây keo.

Ngày 24/4/2017, các ông có thuê xe lên chở 42 cây keo của các ông bị người khác chặt nhưng bị ông Nguyễn B, bà Lê Thị K ngăn cản, không cho thu hoạch làm cho 42 cây keo bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng.

Nay, các ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B, bà K bồi thường thiệt hại tài sản là 42 cây keo cho các ông với trọng lượng 05 tấn, thành tiền 5.000.000đồng và tiền thuê xe máy đào mở đường với số tiền 3.800.000đồng, tổng cộng là 8.800.000đồng.

** Tại bản ghi ý kiến đề ngày 25/10/2017, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn B, bà Lê Thị K cùng trình bày:*

Nguyên mảnh đất rẫy ở núi Cà Tuôn, Suối Trá, thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi là do ông, bà khai hoang từ năm 1996. Trên đất, ông bà trồng cây chuối, điều, mít. Năm 2004, bà Nguyễn Thị Thu H có nói với ông, bà có ông Lê T ở Thành phố Hồ Chí Minh muốn đầu tư trồng cây lập “Vườn cây đồng đội” nhưng không có đất, bà H nói ông, bà lập giấy bán cho bà H mảnh đất rẫy có diện tích khoảng 5ha mà ông, bà khai hoang nêu trên với giá 3.500.000đồng để ông T về đầu tư. Khi đó, do tin tưởng bà H nên bà (Lê Thị K) có viết giấy bán mảnh đất mà ông, bà khai hoang cho ông T nhưng thực tế ông, bà không nhận tiền của bà H, khi đó bà (K) ký tên và giá chữ ký của ông (B) ký vào giấy bán đất cho ông T.

Bà H nói với ông, bà là để ông T đầu tư trồng cây ăn trái, sau này bà H trồng keo thì ông, bà có trách nhiệm trông coi, khi nào thu hoạch sẽ chia đôi cho ông, bà.

Toàn bộ số tiền mua cây giống để trồng cây keo, cây ăn trái là do bà H đầu tư. Nay, ông Nguyễn Thanh H và ông Đào T yêu cầu ông, bà bồi thường số tiền 8.800.000đồng, ông bà không đồng ý vì 42 cây keo mà ông H và ông T định thu hoạch là số cây mà bà H cam kết với ông, bà là khi thu hoạch sẽ chia đôi cho ông, bà.

Ông, bà yêu cầu bà H, ông H, ông T phải liên đới bồi thường cho ông, bà 47.500.000đồng tiền thiệt hại $\frac{1}{2}$ số cây ăn trái do bà H bán số cây ăn trái cho ông H, ông T và hai ông đã chặt phá 85 cây bưởi, 08 cây sầu riêng, đồng thời yêu cầu bà H phải trả cho ông, bà 50.000.000đồng tiền bán keo cho ông H và ông T. Khi nào bà H trả cho ông, bà 50.000.000đồng thì ông H, ông T mới được quyền thu hoạch toàn bộ số keo mà bà H đã bán cho hai ông.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Vào ngày 11/4/2004, ông Lê T là người cùng đơn vị cũ của bà nhờ tìm mua giúp đất rừng để lập vườn cây đồng đội tại vùng Suối Chè, thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Bà đã nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn B, bà Lê Thị K diện tích khoảng 5ha với số tiền 3.500.000đồng. Ông T nhờ bà giao số tiền trên cho ông B, bà K.

Năm 2011, ông T chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất cho bà với giá 50.000.000đồng. Tháng 01/2016, bà chuyển nhượng lại diện tích đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Thanh H và ông Đào T với giá 215.000.000đồng.

Nay, ông B và bà K yêu cầu bà cùng với ông H và ông T liên đới bồi thường cho ông, bà số tiền 47.500.000đồng và yêu cầu bà phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền bà bán cây keo cho ông H, ông T là 50.000.000đồng, bà không đồng ý.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N đã xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H và ông Đào T.

Buộc ông Nguyễn B và bà Lê Thị K phải bồi thường cho ông Nguyễn Thanh H và ông Đào T 8.800.000đồng (Tám triệu, tám trăm ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn B, bà Lê Thị K về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh H và ông Đào T phải liên đới bồi thường cho ông, bà số tiền 47.500.000đồng và bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho ông, bà số tiền 50.000.000đồng.

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn B, bà Lê Thị K về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh H và ông Đào T phải trả lại cho ông, bà diện tích đất ở núi Cà tuôn, suối Trá, thôn L, xã H, huyện N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 22/11/2018, ông Nguyễn B và bà Lê Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn B trình bày ý kiến tranh luận:* Ngày 11/4/2004, bà Lê Thị K viết Giấy chuyển nhượng đất rẫy thuộc vùng suối Chá, thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Lê T nhưng không có mặt ông T và ông Nguyễn B (chồng của bà K), sau đó ông T lại chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu H. Bà H tiếp tục chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Thanh H và ông Đào T. Khi chuyển nhượng cho ông T, trên đất đã có cây mì, chuối, đào của ông B và bà K. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã H xác định diện tích đất mà các bên chuyển nhượng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND xã H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Việc ông H và ông T yêu cầu ông B và bà K bồi thường số tiền 8.800.000đồng, hai bên chỉ thống nhất giá keo nhưng không thể hiện giá keo mua tại Nhà máy hay tại nơi khai thác. Mặc dù không giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng cây phải gắn liền với đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét toàn diện sự việc để có cơ sở giải quyết vụ án là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì đã có những sai sót về tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến tranh luận:* Ông Nguyễn B và bà Lê Thị K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông B, bà K là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định tại Điều 285, 286, 287, 290, 292, 293, 297, 298, 302 và 305 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 75, 76 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn B và bà Lê Thị K làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông B, bà K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu phản tố của ông Nguyễn B và bà Lê Thị K về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh H và ông Đào T phải trả cho ông B, bà K diện tích đất khoảng 02ha tại giồng Cà Tuông thuộc thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Đông giáp đất ông Phạm A, bà Đào Thị D, ông Đào T, ông Nguyễn Thanh H; phía Tây giáp đất ông Phan Hai, ông Phạm Gió và ông Nguyễn B; phía Nam giáp đập Cây Quen; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn B; Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả cho ông B, bà K số tiền 50.000.000đồng mà bà H bán vườn cây cho ông H và ông T vào ngày 01/01/2016; Yêu cầu ông H, ông T và bà H liên đới bồi thường thiệt hại tài sản (cây) bị chặt phá cho ông B, bà K số tiền 47.500.000đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: “Đòi lại tài sản” trong bản án là thiếu sót. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét, giải quyết yêu cầu phản tố của ông B, bà K trong cùng vụ án nên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, bà K. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định thêm quan hệ pháp luật tranh chấp: “Đòi lại tài sản” cho đầy đủ và chính xác.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn B và bà Lê Thị K kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Lê T, anh Lê Hà Việt và UBND xã H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H và ông Đào T chỉ yêu cầu ông B, bà K bồi thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm là 42 cây keo với số tiền 5.000.000đồng và tiền thuê xe máy đào mở đường cho ông H và ông T với số tiền 3.800.000đồng, tổng cộng 8.800.000đồng. Ông Lê T, anh Lê Việt H1 và UBND xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông H và ông T.

Trong vụ án này, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm không xác định ông T, anh H1 và UBND xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là hoàn toàn chính xác.

[2.2] Ông Nguyễn B và bà Lê Thị K kháng cáo không đồng ý bồi thường cho ông H và ông T số tiền 8.800.000đồng và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông, bà buộc ông H, bà H, ông T liên đới bồi thường cho ông, bà $\frac{1}{2}$ giá trị cây ăn quả là 47.500.000đồng và buộc bà H phải trả cho ông, bà $\frac{1}{2}$ giá trị cây keo lai là 50.000.000đồng là không đúng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, năm 2004 ông Lê T có nhờ bà Nguyễn Thị Thu H tìm mua cho ông T một diện tích đất để trồng cây ăn quả, làm nơi để đồng đội cũ về thăm nhau gặp mặt. Ông T đã chuyển tiền về cho bà H để

nhận chuyển nhượng diện tích đất 05ha tại núi Cà Tuôn, Suối Chá, thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi của ông Nguyễn B, bà Lê Thị K. Bà K thừa nhận có viết Giấy chuyển nhượng đất rẫy cho ông T với số tiền 3.500.000đồng, trong giấy chuyển nhượng thể hiện bà đã nhận số tiền 3.500.00đồng nhưng bà K cho rằng bà chưa nhận tiền, tuy nhiên bà K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà chưa nhận số tiền trên và không được bà H thừa nhận.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông T đã gửi tiền về cho bà H đầu tư trồng cây mít, bưởi, sầu riêng, keo, bưởi... Năm 2011, do vợ của ông T bị bệnh ung thư, con còn nhỏ không có điều kiện chăm sóc vườn cây nên ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất và toàn bộ số cây gắn liền với đất cho bà H. Bà H tiếp tục đầu tư trồng keo.

Ông B, bà K cho rằng khi viết Giấy chuyển nhượng đất rẫy cho ông T là do bà H đọc cho bà K viết, bà H không đưa tiền cho ông, bà. Theo ông B và bà K thì giữa ông, bà với bà H có việc hợp tác làm ăn chung, ông bà có đất và công chăm sóc, quản lý còn bà H đầu tư toàn bộ cây giống, thuê nhân công trồng cây, phát rẫy để trồng cây ăn trái, khi thu hoạch sẽ chia đôi lợi nhuận. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông B và bà K không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và không được bà H thừa nhận, nên không được chấp nhận.

Năm 2016, bà H chuyển nhượng quyền sử dụng đất và toàn bộ số cây gắn liền với đất cho ông H và T với giá 215.000.000đồng, trong đó: Giá trị đất là 20.000.000đồng; giá trị cây keo lai là 100.000.000đồng; giá trị cây ăn quả là 95.000.000đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 05/4/2018, UBND xã H xác nhận: Tài sản các bên tranh chấp nằm trên phần đất đã quy hoạch phòng hộ, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã giao cho UBND xã H quản lý, nên việc các bên chuyển nhượng đất là không đúng quy định, chỉ sang nhượng thành quả trên đất.

Xét thấy việc các bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc quy hoạch rừng phòng hộ là không hợp pháp. Tuy nhiên, trong vụ án này, các đương sự không tranh chấp quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với tài sản gắn liền với đất là cây keo và cây ăn trái, ông B và bà K đều thừa nhận là do bà H bỏ tiền ra đầu tư. Việc bà H chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho ông H và ông T là hợp pháp nên ông H và ông T được quyền khai thác tài sản trên đất. Việc ông B, bà K ngăn cản không cho ông H và ông T khai thác 42 cây keo bị chặt phá là trái pháp luật gây ảnh hưởng đến chất lượng keo và các chi phí cho việc khai thác keo nên phải bồi thường là đúng theo quy định tại Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể: *Người nào có hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.*

Tại phiên tòa, ông B và bà K cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B cho rằng việc thỏa thuận giá 42 cây keo, giá 5.000.000đồng nhưng không thể hiện thỏa thuận giá mua ở Nhà máy hay tại nơi khai thác là chưa phù hợp.

Tuy nhiên, tại biên bản thỏa thuận giá giữa ông H, ông T, ông B, bà K ngày 08/12/2017 tại Tòa án nhân dân huyện N (bút lục 61), các bên đã thỏa thuận giá 42 cây keo bị chặt là 5.000.000đồng, nên việc bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B cho rằng các bên không thỏa thuận rõ giá keo tại Nhà máy hay tại nơi khai thác là không cần thiết, nên không được chấp nhận.

Theo hợp đồng xe đào mở đường khai thác keo giữa ông Đào T và ông Huỳnh Văn T1 – chủ xe đào ngày 24/4/2017 (bút lục 27) thể hiện: *Giá thuê xe máy đào một ca là 1.800.000đồng. Theo yêu cầu của ông T1, do ông T thuê làm đường quá ít nên ông T phải chi trả khoản tiền chở đi chở về là 2.000.000đồng cộng với một ca máy đào 1.800.000đồng, tổng hai khoản là 3.800.000đồng. Ngoài ra, ông Tường làm bao nhiêu ca máy thì ông T phải trả thêm bấy nhiêu.*

Tại đơn trình bày của ông T1 đề ngày 04/8/2018 (bút lục 112), ông T1 xác nhận ông có nhận hợp đồng làm đường khai thác keo cho ông T và ông H tại rẫy Cà Tuôn, suối Chá thuộc thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi với số tiền chuyên chở xe đào cả đi cả về là 3.800.000đồng, ngoài ra làm mỗi ca máy đào, ông H và ông T phải trả thêm 1.800.000đồng. Ông H và ông T đã trả cho ông số tiền 3.800.000đồng.

Về phía ông B và bà K thống nhất giá một ca máy đào là 1.800.000đồng, nhưng tiền vận chuyển xe máy đào là 500.000đồng, nhưng ông B và bà K cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và không được ông H, ông T thừa nhận.

[2.2.2] Đối với yêu cầu phản tố của ông B và bà K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông B và bà K cho rằng giữa ông, bà và bà H có thỏa thuận làm ăn chung, ông bà có đất và công trông nom, chăm sóc, quản lý còn bà H sẽ đầu tư vốn để trồng cây, khi thu hoạch sẽ chia đôi lợi nhuận nhưng ông B và bà K không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông B và bà K thừa nhận, toàn bộ số cây keo, cây ăn trái do bà H bỏ tiền ra đầu tư, tháng 01/2016 ông H và ông T trồng 4.200 cây keo. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu phản tố của ông B, bà K về việc buộc bà H, ông H, T phải liên đới bồi thường cho ông, bà 47.500.000đồng giá trị $\frac{1}{2}$ số cây ăn quả và buộc bà H trả lại cho ông, bà 50.000.000đồng giá trị $\frac{1}{2}$ số cây keo mà bà H đã bán cho ông H và ông T.

Như nhận định trên, ông B và bà K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa ông, bà với bà H có việc thỏa thuận làm ăn chung và chia đôi lợi nhuận. Mặt khác, bà H không thừa nhận lời trình bày của ông B, bà K là có căn cứ, nên không được chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông B, bà K phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 8.800.000đồng cho ông H và ông T, đồng thời không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông B, bà K là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông B và bà K.

[3] Về án phí: Ông H và ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông H và ông T.

Ông B và bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông H và ông T được chấp nhận và yêu cầu phản tố của ông B, bà K không được chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B, bà K phải bồi thường cho ông H và ông T số tiền 8.800.000đồng nhưng chỉ buộc ông B, bà K phải chịu 350.000đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng mà phải chịu 440.000đồng (8.800.000đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm mới đúng. Ngoài ra, ông B và bà K có nộp 1.750.000đồng và 1.187.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không trừ vào án phí dân sự sơ thẩm mà ông B, bà K phải chịu là thiếu sót, nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí cho chính xác.

Ông B, bà K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[4] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn B không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[5] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn B, bà Lê Thị K. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, về việc: “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm và đòi lại tài sản*” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H và ông Đào T với bị đơn là ông Nguyễn B và bà Lê Thị K về phần án phí và quan hệ pháp luật tranh chấp.

1. Buộc ông Nguyễn B và bà Lê Thị K phải bồi thường cho ông Nguyễn Thanh H và ông Đào T số tiền 8.800.000đồng (Tám triệu, tám trăm ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn B và bà Lê Thị K về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh H, ông Đào T phải liên đới bồi thường cho ông B, bà K số tiền 47.500.000đồng và bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho ông B, bà K số tiền 50.000.000đồng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H và ông Đào T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông H và ông T 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/000380 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Ông Nguyễn B, bà Lê Thị K phải chịu 440.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, 4.875.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng là 5.615.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.750.000đồng theo biên lai số AA/2016/0000588 ngày 30/7/2018, 1.187.000đồng theo biên lai số AA/2016/0000510 ngày 06/4/2018 và 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004285 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tổng cộng là 3.237.000đồng. Ông B và bà K còn phải nộp 2.378.000đồng (hai triệu, ba trăm bảy mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan